

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

(Dùng chung cho tất cả các ngành đào tạo đại học của Trường)

**1. Thông tin chung về học phần**

**Tên học phần:**

Tiếng Việt: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Tiếng Anh: **Scientific socialism**

**Mã học phần:**

**Số tín chỉ: 2 tín chỉ**

**Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết**

+ Lý thuyết: **24 tiết**

+ Làm bài tập nhóm và thảo luận: **04 tiết**

+ Kiểm tra: **02 tiết**

+ Tự học: Giảng viên giao phần tự học và tham khảo tài liệu cho sinh viên trong mỗi bài giảng cụ thể tương ứng **15 tiết** tự học.

**Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Cơ bản, Bộ môn Lý luận chính trị**

**Giảng viên phụ trách chính học phần:**

- Tên: Ths. Đinh Thế Lạp

- Chức danh: Trưởng Khoa Cơ bản, Trưởng Bộ môn Lý luận chính trị

- Thông tin liên hệ: 0974690165; gmail: [dtlap49@gmail.com](mailto:dtlap49@gmail.com)

Giảng viên cùng giảng dạy:

- Nguyễn Thị Hương

- Lưu Hồng Việt

**2. Các môn học tiên quyết: Không có**

**3. Mục tiêu của học phần:**

**3.1. Mục tiêu chung:** Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội khoa học.

**3.2. Mục tiêu cụ thể:**

Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về sự ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKKH – một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác-Lênin.

Về kỹ năng: Qua nghiên cứu môn học này, sinh viên có khả năng luận chứng được khách thể và đối tượng nghiên cứu của một môn khoa học và của một vấn đề nghiên cứu, phân biệt được những vấn đề chính trị - xã hội trong đời sống hiện thực.

Về thái độ: Giúp sinh viên có thái độ tích cực với việc học tập các môn lý luận chính trị, có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo.

#### **4. Chuẩn đầu ra của học phần**

##### **4.1. Nội dung chuẩn đầu ra học phần:**

Sau khi học xong học phần, sinh viên:

**CLO 01:** Có khả năng **nhớ** được hoàn cảnh ra đời và các giai đoạn phát triển của CNXHKKH

**CLO 02:** Có khả năng **hiểu** được nội dung quan trọng của lý thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học là sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; hiểu được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xoá bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể nhân loại khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.

**CLO 03:** Có khả năng **vận dụng** được kiến thức, sự hiểu biết về CNXHKKH để nâng cao trình độ lý luận, có được tư duy và kỹ năng đúng đắn, phù hợp khi phân tích cả về mặt lý luận và thực tiễn các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

**CLO 04:** Có khả năng tiếp thu một cách hiệu quả lý luận mới, những thành tựu khoa học - công nghệ của nhân loại, có niềm tin vào sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, có cơ sở khoa học chống lại tư tưởng lạc hậu, phản động.

**CLO 05:** Có khả năng **đánh giá** được, liên kết được kiến thức của học phần từ đó hình thành được quan điểm riêng của mình đối với các vấn đề kinh tế, xã hội của đất nước, có cái nhìn đúng đắn về các sự kiện kinh tế-xã hội trong nước và quốc tế.

**CLO 06:** Giúp sinh viên từng bước củng cố niềm tin khoa học, lập trường giai cấp công nhân đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

##### **4.2. Ma trận nhất quán giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO):**

[ Ghi chú: Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

*L (low) – CLO có đóng góp ít vào PLO*

*M (medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO*

*H (high) - CLO có đóng góp nhiều vào PLO*

*Chú thích: H – cao; M – vừa; L – thấp – phù thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí*

nghiệm, thực tế, (mức M) hay mức thuần thực, thành thạo (H)). Xem chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo khi xây dựng bảng này]

|                                  | <b>PLO 1</b> | <b>PLO 2</b> | <b>PLO 3</b> | <b>PLO 4</b> | <b>PLO 5</b> | <b>PLO 6</b> | <b>PLO 7</b> | <b>PLO 8</b> | <b>PLO 9</b> |
|----------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| <b>CLO 1</b>                     | H            | M            | M            | H            | M            |              |              |              |              |
| <b>CLO 2</b>                     |              |              |              |              | H            |              |              |              |              |
| <b>CLO 3</b>                     |              |              |              |              |              | M            |              |              |              |
| <b>CLO 4</b>                     |              |              |              |              |              |              |              | M            |              |
| <b>CLO 5</b>                     |              |              |              |              |              |              | H            |              |              |
| <b>CLO 6</b>                     |              |              |              |              |              |              |              |              | M            |
| <b>TỔNG HỢP TOÀN BỘ HỌC PHẦN</b> |              |              |              | H            | H            | M            | H            | M            | M            |

**4.3. Ma trận nhất quán giữa phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá với chuẩn đầu ra học phần (CLO)**

| <b>Hình thức đánh giá</b>   | <b>CLO 1</b> | <b>CLO 2</b> | <b>CLO 3</b> | <b>CLO 4</b> | <b>CLO 5</b> | <b>CLO 6</b> |
|---|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| <b>Chuyên cần</b> (tham gia đủ 100% số buổi)  | H            |              | M            |              | H            |              |
| <b>Hoạt động cá nhân tại lớp</b> (phát biểu, thảo luận, trả lời câu hỏi của gv)   | M            |              | H            | M            | M            | M            |
| <b>Hoạt động cá nhân tại nhà</b> (tự học ở nhà theo y/c của gv, tìm kiếm tài liệu, làm bài tập về nhà, viết chuyên đề)  | M            | H            | M            | M            | H            | M            |
| <b>Hoạt động nhóm</b> (chuẩn bị bài thuyết trình, trình bày bài thuyết trình, phát biểu bảo vệ ý kiến của nhóm tại lớp) | H            | M            | H            | M            | M            | M            |
| <b>Thực hành</b> (tập diễn tình huống, thực tập, thí nghiệm)  |              |              |              |              |              |              |
| <b>Kiểm tra giữa kỳ</b>   | H            | M            | M            | M            | H            | M            |

|  |   |   |   |   |   |   |
|--|---|---|---|---|---|---|
| <b>Kiểm tra cuối kỳ</b> (tự luận, trắc nghiệm) | H | M | H | M | M | M |
|--|---|---|---|---|---|---|

#### 4.4. Ma trận nhất quán giữa phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

|  | <b>CLO 1</b> | <b>CLO 2</b> | <b>CLO 3</b> | <b>CLO 4</b> | <b>CLO 5</b> | <b>CLO 6</b> |
|--|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| <b>Dạy học nhóm</b>  | H            | H            | M            | H            | M            | M            |
| <b>Nghiên cứu tình huống điển hình</b><br>(Case study)                           |              | M            | H            | H            | H            | H            |
| <b>Trò chơi</b><br>(Gamification)  |              |              |              |              |              |              |
| <b>Dạy học theo dự án</b><br>(Project-based learning)                            |              |              |              |              |              |              |
| <b>Nêu và giải quyết vấn đề</b>  |              | M            | H            | M            | M            | M            |
| <b>Sử dụng công nghệ trong dạy học</b> (máy móc, mạng online, phần mềm ứng dụng) | H            | H            | M            | H            | H            | H            |

#### 4.5. Ma trận nhất quán các bài học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Chú thích: I: Introduction/ Giới thiệu

P: Proficient/ Thuần thục, đủ

A: Advanced/ Nâng cao

|               | <b>CLO 1</b> | <b>CLO 2</b> | <b>CLO 3</b> | <b>CLO 4</b> | <b>CLO 5</b> | <b>CLO 6</b> |
|---------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| <b>Bài 1.</b> | I            | P            | P            | I            | P            | I            |
| <b>Bài 2.</b> | I            | A            | P            | I            | A            | A            |
| <b>Bài 3.</b> | P            | A            | P            | A            | I            | P            |
| <b>Bài 4.</b> | A            | P            | I            | P            | P            | A            |
| <b>Bài 5.</b> | I            | I            | A            | A            | I            | P            |
| <b>Bài 6</b>  | A            | A            | I            | I            | P            | A            |
| <b>Bài 7</b>  | P            | P            | A            | I            | I            | A            |
| <b>Bài 8</b>  | I            | I            | A            | A            | P            | I            |
| <b>Bài 9</b>  | A            | I            | A            | A            | A            | I            |
| <b>Bài 10</b> | A            | A            | I            | A            | P            | P            |

#### 5. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia một bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần.

#### 6. Học liệu:

### 6.1. Tài liệu bắt buộc:

- Giáo trình
- Slides bài giảng của giảng viên

### 6.2. Tài liệu tham khảo:

- 1) Giáo trình Triết học Mác-Lênin (cho hệ thống không chuyên lý luận chính trị). Hà Nội, 2019.
- 2) Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2002) *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*; Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
- 3) Hoàng Chí Bảo, Nguyễn Viết Thông, Bùi Đình Bôn (đồng chủ biên), Một số vấn đề lý luận về giai cấp công nhân Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Nxb Lao động, Hà Nội, 2009.

## 7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

**Chương I:** Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học.

**Chương II:** Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

**Chương III:** CNXHKKH và thời kỳ quá độ lên CNXH.

**Chương IV:** Dân chủ XHCN và nhà nước XHCN.

**Chương V:** Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

**Chương VI:** Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

**Chương VII:** Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

## 8. Kế hoạch giảng dạy:

| Tuần/Bài  |       | Nội dung giảng dạy   | Số tiết<br>(Lý thuyết,<br>Thảo luận,<br>Thực hành) | Tài liệu đọc<br>trước  | Nhiệm vụ của<br>sinh viên     |
|-----------|-------|--|--|--|-------------------------------|
| Tuần<br>1 | Bài 1 | Chương I. Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học<br>I. Sự ra đời của CNXHKKH<br>II. Các giai đoạn phát triển của CNXHKKH<br>III. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH | 3 Lý thuyết  | + Giáo trình từ tr. 1 – 13.<br>+ Tài liệu tham khảo từ tr. – tr. | + Tra cứu, đọc trước tài liệu |
|           | Bài 2 | Chương II. Sứ mệnh   | 3 lý thuyết  | + Giáo trình   | + Tra cứu, đọc                |

|               | <b>Tuần/Bài</b> | <b>Nội dung giảng dạy</b>  | <b>Số tiết</b><br>(Lý thuyết,<br>Thảo luận,<br>Thực hành) | <b>Tài liệu đọc trước</b>                              | <b>Nhiệm vụ của sinh viên</b>   |
|---------------|-----------------|--|---|--|---|
|               |                 | lịch sử của giai cấp công nhân<br>I. Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân<br>II. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay |   | từ tr. 13 – tr. 30.<br>+ Sách tham khảo 1 từ tr. – tr. | trước tài liệu<br>+ Chuẩn bị nội dung thảo luận: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay.               |
| <b>Tuần 2</b> | <b>Bài 3</b>    | Chương III. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>I. Chủ nghĩa xã hội<br>II. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>III. Quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam   | 3 lý thuyết   | + Giáo trình: 31-58<br>+ Sách tham khảo                | + Đọc trước tài liệu  |
|               | <b>Bài 4</b>    | Chương IV. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa.<br>I. Dân chủ xã hội chủ nghĩa.  | 2 lý thuyết<br>1 thảo luận                                | + Giáo trình: 31-58<br>+ Sách tham khảo                | + Đọc trước, tra cứu tài liệu   |
| <b>Tuần 3</b> | <b>Bài 5</b>    | Chương IV (tiếp)<br>II. Nhà nước XHCN<br>III. Dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam  | 3 lý thuyết   | + Giáo trình: 59-85<br>+ Sách tham khảo                | + Đọc trước tài liệu<br>+ Chuẩn bị tài liệu thảo luận với nội dung:<br>Bản chất của nền dân chủ XHCN ở Việt Nam |
|               | <b>Bài 6</b>    | Chương V. Cơ cấu xã hội –giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên   | 2 lý thuyết<br>1 thảo luận                                | + Giáo trình: 59-85<br>+ Sách tham                     | + Đọc trước, tra cứu tài liệu.  |

| Tuần/Bài      |              | Nội dung giảng dạy   | Số tiết<br>(Lý thuyết,<br>Thảo luận,<br>Thực hành) | Tài liệu đọc<br>trước                                | Nhiệm vụ của<br>sinh viên  |
|---------------|--------------|--|--|--|--|
|               |              | <p>chủ nghĩa xã hội.</p> <p>I. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>II. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p>  |  | khảo   |  |
| <b>Tuần 4</b> | <b>Bài 7</b> | <p>Chương V (tiếp)</p> <p>III. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam</p> <p>Chương VI. Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>I. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về dân tộc</p> <p>1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam</p> | 3 lý thuyết  | <p>+ Giáo trình: 85-113</p> <p>+ Sách tham khảo</p>  | <p>+ Đọc trước, tra cứu tài liệu.</p> <p>+ Chuẩn bị tài liệu thảo luận với nội dung: Quan điểm về chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam</p> |
|               | <b>Bài 8</b> | <p>Chương VI (tiếp)</p> <p>II. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>III. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</p>   | 2 lý thuyết<br>1 thảo luận                         | <p>+ Giáo trình: 114-126</p> <p>+ Sách tham khảo</p> | <p>+ Đọc trước, tra cứu tài liệu.</p>  |
| <b>Tuần 5</b> | <b>Bài 9</b> | <p>Chương VII. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>I. Khái niệm, vị trí, chức năng của gia đình</p> <p>II. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>III. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ</p>   | 3 lý thuyết  | <p>+ Giáo trình: 126-204</p> <p>+ Sách tham khảo</p> | <p>+ Đọc trước, tra cứu tài liệu.</p> <p>+ chuẩn bị làm bài kiểm tra định kỳ.</p>  |

| Tuần/Bài          | Nội dung giảng dạy           | Số tiết<br>(Lý thuyết,<br>Thảo luận,<br>Thực hành) | Tài liệu đọc<br>trước | Nhiệm vụ của<br>sinh viên           |
|-------------------|------------------------------|--|-----------------------|-------------------------------------|
|                   | quá độ lên CNXH.             |  |                       |                                     |
| <b>Bài<br/>10</b> | Ôn tập + kiểm tra định<br>kỳ | 2 tiết kiểm<br>tra<br>1 tiết thảo<br>luận          |                       | + Ôn tập, hệ<br>thống kiến<br>thức. |

### 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Tên giảng đường: 301, 401, 501, 601, 701

- Danh mục trang thiết bị (bao gồm cả phương tiện công nghệ): Máy chiếu, màn hình chiếu, máy tính, bảng, phấn ...

### 10. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:

#### 10.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá

Kết quả đánh giá học phần dựa trên đánh giá các hoạt động của sinh viên trong suốt quá trình học, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần thể hiện thông qua bài đánh giá; chuẩn đầu ra học phần được đánh giá; tiêu chí, tiêu chuẩn và trọng số của các đánh giá.

| Thành phần đánh giá    | Bài đánh giá   | CDR học phần       | Tiêu chí đánh giá  | Chuẩn đánh giá | Trọng số (%) |
|------------------------|--|--------------------|--|----------------|--------------|
| A1. Đánh giá quá trình | A1.1: Chuẩn bị bài ở nhà                             | CLO 01, 07         | Trả lời được các câu hỏi của giảng viên.                   | Thang điểm 10  | 20           |
|                        | A1.2: Thái độ học tập, làm việc nhóm                 | CLO 02, 03, 06     | Tham gia đầy đủ các bài thảo luận                          | Thang điểm 10  | 20           |
| A2. Đánh giá cuối kỳ   | A2.1: Các bài báo cáo cá nhân                        | CLO 04, 05         | Viết tay; đánh máy, trình bày chi tiết, rõ ràng, chính xác | Thang điểm 10  | 20           |
|                        | A2.2: Thuyết trình kết quả thí nghiệm (báo cáo nhóm) | CLO 04, 05         | Báo cáo thuyết trình bằng file powerpoint                  | Thang điểm 10  | 20           |
|                        | A2.3: Bài thi tự luận                                | CLO 01, 02, 05, 06 | 3 câu/10 điểm  | Thang điểm 10  | 20           |

#### 10.2. Miêu tả chi tiết các bài tập và bộ tiêu chí đánh giá:

**Bài tập 1: Thảo luận nhóm. Phân tích điều kiện ra đời và những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Liên hệ với thực tiễn Việt Nam.**



## Mô tả chi tiết

Lớp được chia thành các nhóm từ 5 bạn trở lên

### **Trước bài thảo luận mỗi nhóm cần:**

- (1) nghiên cứu kỹ đề tài thảo luận được cho trước
- (2) nhóm trưởng phân công các thành viên đọc các tài liệu được GV hướng dẫn và phân công thành viên ghi chép, thu thập tài liệu.
- (3) mỗi nhóm trình bày (bằng màn hình chiếu hoặc nói xuống, một người đại diện hoặc kết hợp các thành viên...) trước lớp khoảng 10 phút.
- (4) Trả lời câu hỏi, phản biện lại ý kiến của các nhóm khác.
- (5) Nghe giảng viên bộ môn nhận xét.

### **Trong mỗi giờ học, giáo viên sẽ:**

- (1) lựa chọn một hoặc nhiều hơn các đề tài thảo luận.
- (2) gọi một hay hai nhóm **bất kỳ** lên trình bày về nội dung của đề tài được lựa chọn.
- (3) khuyến khích các bạn nhóm khác đặt câu hỏi về đề tài thảo luận
- (4) tóm tắt nội dung chính đã được trình bày và giải thích những phần kiến thức sinh viên hiểu sai hoặc còn thiếu sót.
- (5) nhấn mạnh các nội dung phân bài và các hoạt động nhằm giúp sinh viên hiểu đúng hơn, sâu hơn về nội dung buổi học.
- (6) Sau mỗi buổi thảo luận, **tất cả** các nhóm cần nộp lại sản phẩm đã chuẩn bị (kể cả nhóm không trình bày).

Giáo viên chấm điểm bài summary và trình bày của nhóm dựa vào tiêu chí chấm và thang đo dưới đây. Nếu nhóm trình bày nhiều hơn 1 lần trong khoá học thì lấy điểm trung bình.

### **Tiêu chí đánh giá (Rubrics)**

| <b>Tiêu chí</b> | <b>Yếu (dưới 5 điểm)</b> | <b>Trung bình (5-6 điểm)</b> | <b>Khá (7-8 điểm)</b> | <b>Giỏi (9-10 điểm)</b> |
|-----------------|--------------------------|------------------------------|-----------------------|-------------------------|
|-----------------|--------------------------|------------------------------|-----------------------|-------------------------|

|  |  |   |  |   |
|--|--|---|--|---|
| <p><b>(1) Nhận diện được các ý chính của bài thảo luận</b></p> <p><b>25%</b></p> | <p>Bài trình bày thể hiện việc người học không nắm được nội dung bài, lạc đề, không đưa ra được các ý chính về bài thuyết trình.</p>                     | <p>Bài trình bày thể hiện việc người học chỉ hiểu một phần nhỏ nội dung chủ đề vì chỉ nhắc tới một vài ý chính của bài thuyết trình tương ứng với mục tiêu được giao.</p>                         | <p>Bài trình bày thể hiện việc người học hiểu khá tốt nội dung đề bài vì người học nói đúng nội dung, súc tích, đầy đủ.</p>  | <p>Bài trình bày thể hiện việc người học chuẩn bị nội dung phong phú, đúng với chủ đề, trình bày rõ ràng, đầy đủ.</p>   |
| <p><b>(2) Mức độ đạt được mục tiêu được giao</b></p> <p><b>25%</b></p>           | <p>Nội dung không liên quan đến chủ đề thảo luận được giao.</p>  | <p>Nội dung nhắc đến một phần mục tiêu của đề bài.</p>  | <p>Nội dung trình bày tương đối đầy đủ các mục tiêu của chủ đề thảo luận.</p>  | <p>Nội dung giúp người học thực hiện hoá được hết (các) mục tiêu chủ đề được giao.</p>  |
| <p><b>(3) Tính rõ ràng</b></p> <p><b>20%</b></p>                                 | <p>Có rất ít sự liên kết giữa các nội dung được trình bày. Thông tin đưa ra thường không liên quan đến ý cần nói. Nội dung thiếu thông tin chi tiết.</p> | <p>Có thể nhìn thấy tính liên kết giữa các nội dung được trình bày tuy chưa hoàn toàn rõ ràng. Thông tin đưa ra phần lớn có liên quan đến ý cần nói. Nội dung có kèm theo thông tin chi tiết.</p> | <p>Liên kết giữa các nội dung được trình bày khá rõ ràng. Thông tin đưa ra liên quan đến ý cần nói. Nội dung được phát triển đầy đủ kèm theo thông tin chi tiết phù hợp.</p> | <p>Liên kết giữa các nội dung được trình bày rõ ràng. Thông tin đưa ra liên quan đến ý cần nói. Nội dung được bố cục chặt chẽ và phát triển đầy đủ kèm theo thông tin chi tiết phù hợp.</p> |
| <p><b>(4) khả năng làm việc nhóm,</b></p> <p><b>10%</b></p>                      | <p>Rời rạc, không có liên kết, chuẩn bị nội dung sơ sài.</p>   | <p>2/3 số thành viên tham gia đóng góp bài thuyết trình, nhưng các thành viên ít tương tác, sản phẩm không được phong phú về hình ảnh, nội dung.</p>  | <p>Các thành viên tham gia đầy đủ, nội dung phong phú.</p>   | <p>Các thành viên tham gia đầy đủ, nội dung phong phú, các thành viên hỗ trợ nhau phản biện, trình bày sinh động, có sử dụng công nghệ.</p>   |

|   |   |   |   |  |
|---|---|---|---|--|
| <p><b>(5) Người thuyết trình</b><br/><b>10%</b></p>           | <p>Người trình bày nói không rõ ràng và ngập ngừng nhiều (dài).<br/>Không mạch lạc, nói vấp, nói sai.</p> | <p>Người trình bày nói chậm, không có ngữ điệu.</p>   | <p>Người thuyết trình nói to, rõ ràng, có tiết tấu, tốc độ vừa phải.</p>                  | <p>Người thuyết trình nói to, rõ ràng, có tiết tấu, tốc độ vừa phải, kết hợp các thành viên cùng tham gia thuyết trình, có tương tác với người nghe.</p> |
| <p><b>(6) Trả lời câu hỏi của khán giả</b><br/><b>10%</b></p> | <p>Không trả lời được câu hỏi nào từ bạn/ giáo viên.</p>  | <p>Không trả lời được một số câu hỏi hoặc thể hiện sự khó khăn và còn thiếu kiến thức về chủ đề được hỏi.</p> | <p>Hầu hết các câu hỏi được trả lời và thể hiện hiểu biết khá tốt về chủ đề được hỏi.</p> | <p>Tất cả các câu hỏi được trả lời và thể hiện hiểu biết sâu sắc về chủ đề được hỏi.</p>   |

*Chú ý: Giảng viên có thể linh hoạt theo từng lớp.*

- Nếu có thời gian và trình độ chung về THT của lớp tốt, giáo viên có thể yêu cầu SV thuyết trình, dùng 2 tiêu chí cuối.

- Nếu lớp có trình độ chung về THT chưa tốt lắm. và sinh viên cần nhiều hỗ trợ của giáo viên hơn về mặt nội dung, thì giáo viên có thể không yêu cầu SV thuyết trình mà chỉ chuarn bị bài như yêu cầu. Thời gian còn lại dùng cho các hoạt động thảo luận. Như vậy 2 tiêu chí dưới cùng không dùng, và 20% điểm đó có thể được cộng vào tiêu chí 3 và 4.

## **Bài tập 02: Kiểm tra viết (tự luận)**

### **Câu hỏi dự kiến:**

- 1) **Bản chất và định hướng xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?**
- 2) **Phân tích cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và liên hệ với Việt Nam?**

### **Mô tả chi tiết**

Sinh viên làm việc độc lập:

(1) Sinh viên sẽ được đánh số báo danh và phát đề chẵn-lẻ. Điểm bài viết của sinh viên sẽ được cộng với điểm tham gia thảo luận, điểm kiểm tra miệng sau đó chia trung bình và được tính là điểm kiểm tra định kỳ.

(2) các bài viết này thể hiện các hoạt động học tập sinh viên đã thực hiện và khả năng áp dụng những gì đã được học.

### Tiêu chí đánh giá bài viết

| <b>Thang điểm</b> | <b>Nội dung bài viết</b>   | <b>Tính mạch lạc và liên kết văn bản</b>                        | <b>Hiệu ứng đối với người đọc</b>         |
|-------------------|--|---|---|
| <b>9- 10</b>      | Nội dung đầy đủ và xuất sắc yêu cầu bài viết<br><br>Đề cập được các ý chính và mở rộng được ý bằng các ví dụ   | Bố cục rõ ràng, văn phong mạch lạc.                             | Tạo ấn tượng tốt với người đọc            |
| <b>7- 8</b>       | Thực hiện đầy đủ yêu cầu bài viết<br><br>Trả lời đủ các ý theo yêu cầu bài viết                                | Nhìn chung bài có bố cục rõ ràng, văn phong phù hợp.            | Tạo ấn tượng tích cực đối với người đọc.  |
| <b>5- 6</b>       | Thực hiện được một số các yêu cầu bài viết<br><br>Có đủ các ý chính tuy có thể thêm một vài ý nhỏ khác         | Bố cục bài viết chưa thực sự tốt, câu cú còn đôi chỗ lủng củng. | Tạo ấn tượng thỏa đáng đối với người đọc. |
| <b>3- 4</b>       | Thực hiện chưa đầy đủ yêu cầu bài viết<br><br>Thiếu một số ý cơ bản trong bài viết<br><br>hoặc ý không phù hợp | Bố cục không rõ ràng, văn phong viết không phù hợp.             | Tạo ấn tượng chưa tốt đối với người đọc.  |

|             |  |   |   |
|-------------|--|---|---|
|             |  |   |   |
| <b>1- 2</b> | Bài thiếu ý, ý không phù hợp hoặc do hiểu sai yêu cầu bài viết   | Bố cục không rõ ràng gây khó hiểu hoặc không truyền đạt được thông tin.<br><br>Viết không đúng văn phong. | Tạo ấn tượng không tốt đối với người đọc. |
| <b>0</b>    | Không đạt được yêu cầu nào. Viết được dưới 25% số từ được yêu cầu hoặc bài viết không phù hợp về nội dung. |   |   |

### 10.3. Chính sách trong kiểm tra, đánh giá:

- Sinh viên vắng mặt quá 20% số buổi sẽ không được làm bài thi kết thúc học phần.
- Có điểm thưởng cho sinh viên tích cực phát biểu, ham học hỏi, có sự sáng tạo trong thảo luận, tranh biện.

*Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2019*

**Hiệu trưởng**

**Trưởng Khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Người soạn Đề cương**





**PGS.TS. Phạm Ngọc Ánh**

**ThS. Đinh Thế Lạp**

**ThS. Đinh Thế Lạp**

**ThS. Đinh Thế Lạp**